

Bản án số: 15/2018/DS-ST
Ngày: 03-7-2018
V/v tranh chấp liên quan đến tài sản
bị cưỡng chế thi hành án

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thanh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Phiên;

Bà Trịnh Thúy Cơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trương T Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 362/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Võ Văn A - sinh năm 1941. (có đơn xin vắng mặt)

Bà Phan Thị B – sinh năm 1946. (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 03, tổ 23, ấp N, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

2/ Bị đơn: Chị Võ Thị T – sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp N, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Trần E, sinh năm 1973; trú tại: Số 7, tổ 23, ấp N, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. (Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2018). (Có mặt)

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần E – sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 7, tổ 23, ấp N, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình cung cấp chứng cứ nguyên đơn ông Võ Văn A, bà Phan Thị B trình bày: Vào ngày 08/01/2010 ông bà cùng con gái là chị Võ Thị T đến Ủy ban nhân dân xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh để làm hợp

đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với các phần đất sau:

+ Phần đất có diện tích 35.620m² thuộc thửa số 216, tờ bản đồ số 5.

+ Phần đất có diện tích 19.510m², thửa đất số 671, 672, 673, 799, 800, tờ bản đồ số 5.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN: 01821/QSĐĐ/450401 do Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 30/11/1996. Các phần đất trên đều tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có những hạn chế “Không được sang nhượng, tặng cho, cầm cố bất cứ ai”, việc tặng cho để “Vay vốn ngân hàng”. Sau khi làm thủ tục tại Ủy ban nhân dân xã S, Huyện D thì chị Võ Thị T được Ủy ban nhân dân Huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất trên vào ngày 12/3/2010. Từ khi ông bà sang tên cho chị Võ Thị T đứng tên và vay vốn ngân hàng đến khoảng tháng 10/2015 thì không còn vay nữa. Phần đất có diện tích 35.620m² chị T đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Lã Thị K và ông Nguyễn Văn H và ông H bà T đã được Ủy ban nhân dân Huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 16/01/2013. Tuy nhiên hiện nay phần đất mà ông H bà T đứng tên trên đã có bản án số 274/2015/DS-PT ngày 04/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02271 ngày 16/01/2013 do Ủy ban nhân dân Huyện D cấp, nhưng chị T vẫn chưa làm thủ tục để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Hiện tại các phần đất trên đã bị kê biên theo Quyết định số 50/QĐ-CCTHA của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh để đảm bảo thi hành án cho chị Võ Thị T và chồng là anh Trần E. Nay ông bà yêu cầu Tòa án hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã S, số chứng thực 23 quyền số 01/TP/C-SCT/HĐGD đối với phần đất có diện tích 19.510m² thuộc thửa số 671, 672, 673, 799, 800 tờ bản đồ số 5.

- Bị đơn chị Võ Thị T trình bày:

Chị thống nhất với những lời trình bày trên của ông Võ Văn A, bà Phan Thị B về thời gian và nội dung ký kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/01/2010 là đúng sự thật. Sau khi cha mẹ chị làm thủ tục sang tên cho chị để vay vốn ngân hàng đến khoảng năm 2016 thì chị thiếu nợ nhiều người và hiện Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D đang kê biên và đem bán đối với phần đất có diện tích 19.510m². Đối với phần đất có diện tích 35.620m² thì chị đã làm thủ tục chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Lã Thị K. Ông H bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên tại bản án số 274/2015/DS-PT ngày 04/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02271 ngày 16/01/2013 do Ủy ban nhân dân Huyện D cấp, nhưng chị T vẫn chưa làm thủ tục để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Để đảm bảo thi hành các khoản nợ của chị và chồng chị là anh Trần E thì Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D đã tiến hành kê biên các phần đất trên theo Quyết định số 50/QĐ-CCTHA. Nay ông Võ Văn A và bà Phan Thị B yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã S, số chứng thực 23 quyền số 01/TP/C-SCT/HĐGD đối với phần đất có diện tích 19.510m² thuộc thửa số 671, 672, 673,

799, 800 tờ bản đồ số 5 thì chỉ đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần E trình bày:

Phần đất có diện tích 19.510m² thuộc thửa số 671, 672, 673, 799, 800 tờ bản đồ số 5 của ông Võ Văn A, bà Phan Thị B cho chị T vào năm 2010 lúc này vợ chồng anh chưa ly hôn. Anh xác định thời gian và nội dung ký kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/01/2010 là đúng sự thật. Nay ông Võ Văn A và bà Phan Thị B yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 08/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã S, số chứng thực 23 quyền số 01/TP/C-SCT/HĐGD đối với phần đất nêu trên thì anh đồng ý, không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm: Xét thấy Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không ý kiến gì thêm.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 722; 723; 724; 725 và 726 của Bộ luật Dân sự 2005;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn A, bà Phan Thị B đối với chị Võ Thị T; về việc yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số chứng thực: 23 Quyền số: 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 08/01/2010 đối với phần đất có diện tích 19.510m² thuộc thửa số 671, 672, 673, 799, 800 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; giữa bên tặng cho là ông Võ Văn A, bà Phan Thị B và bên được tặng cho là chị Võ Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Võ Văn A và bà Phan Thị B yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ký kết ngày 08/01/2010 giữa ông bà và chị Võ Thị T đối với phần đất có diện tích 19.510m² thuộc thửa số 671, 672, 673, 799, 800 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Hiện nay phần đất trên đang bị Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh kê biên để đảm bảo thi hành án. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Ông Võ Văn A và bà Phan Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông A và bà B.

[2] Ông Võ Văn A và bà Phan Thị B yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số chứng thực 23 quyền số 01/TP/C-SCT/HĐGD ngày 08/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã S, đối với phần đất có diện tích 19.510m² thuộc thửa số 671, 672, 673, 799, 800 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Với lý do hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên có điều kiện là chị T không được sang nhượng, tặng cho, cầm cố bất kỳ ai, việc tặng cho để vay vốn ngân hàng. Xét thấy phần đất trên có nguồn gốc là của ông A và bà B, vào năm 2010 ông bà làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho chị T, các bên đã thực hiện hợp đồng về nội dung, hình thức và đã thực hiện các quyền và

nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 722; 723; 724; 725 và 726 của Bộ luật Dân sự 2005. Trên cơ sở đó thì ngày 12/3/2010 chị T đã được Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị T đã trực tiếp quản lý và sử dụng từ đó cho đến nay. Trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên, ngoài phần đất đang tranh chấp thì còn có phần đất khác chị T cũng đã sang nhượng cho người khác ông bà cũng không có ý kiến gì. Mặt khác anh E người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của chị T cho rằng khoản nợ mà anh và chị T có trách nhiệm trả tại Thi hành án là khoản nợ chung của anh và chị khi hôn nhân còn tồn tại. Anh chị đủ khả năng trả số nợ trên nên không cần phải kê biên phần đất mà ông A và bà B đang tranh chấp, anh E và chị T đồng ý hủy hợp đồng trả lại đất cho ông A và bà B. Tuy nhiên anh E và chị T không còn tài sản nào khác để đảm bảo cho việc thi hành án, việc anh E và chị T đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và giao đất lại cho cha mẹ chị T là nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Do đó các lý lẽ và chứng cứ mà các bên đương sự đưa ra để yêu cầu được hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, đối với phần đất đang bị Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D kê biên để đảm bảo thi hành án là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, bà B đối với chị T về việc yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên.

[3] Yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn A, bà Phan Thị B không được Tòa án chấp nhận. Do đó căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông A, bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 722; 723; 724; 725 và 726 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn A, bà Phan Thị B đối với chị Võ Thị T; về việc yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số chứng thực: 23 Quyển số: 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 08/01/2010 đối với phần đất có diện tích 19.510m² thuộc thửa số 671, 672, 673, 799, 800 tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; giữa bên tặng cho là ông Võ Văn A, bà Phan Thị B và bên được tặng cho là chị Võ Thị T.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn A và bà Phan Thị B phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông A bà B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015909 ngày 13/11/2017.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Mai Thanh Tú